

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/DS-ST

Ngày: 02-6-2020

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Nghi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Minh Chiến.

Ông Dương Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 02 tháng 6 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 04/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2020/QĐST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Tuyết R, sinh năm 1959 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện N, tỉnh C.

- Bị đơn: Ông Trương Văn T1, sinh năm 1964 (có mặt).

Bà Trần Thanh T2 (Trần Hồng T2), sinh năm 1968 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã T, huyện N, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong quá trình giải quyết vụ án bà Trần Tuyết R trình bày: Trước đây bà có cho vợ chồng ông T1 và bà T2 vay nhiều lần, đến năm 2014 (không nhớ rõ ngày tháng) các bên gặp nhau chốt nợ thì ông T1, bà T2 còn nợ số tiền vốn 150.000.000 đồng. Sau đó có trả được hai lần tiền vốn là 100.000.000 đồng, không trả lãi.

Đến ngày 26/9/2017 chốt nợ lại thì vợ chồng ông T1 và bà T2 còn nợ tiền vốn 50.000.000 đồng, tiền lãi 180.000.000 đồng (có biên nhận do ông T1 viết).

Do trước đây việc vay tiền chỉ có ông T1 là người trực tiếp vay nên bà chỉ yêu cầu ông T1 thanh toán tiền vốn 50.000.000 đồng, tiền lãi từ năm 2014 đến ngày chốt nợ ngày 26/9/2017 là 90.000.000 đồng và tiền lãi của tiền vốn 50.000.000 đồng từ ngày 26/10/2017 đến ngày xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa bà R thay đổi yêu cầu, bà yêu cầu ông T1 trả tiền vốn 50.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật.

** Trong quá trình giải quyết vụ án ông Trương Văn T1 trình bày:* Vợ chồng ông đã ly hôn theo bản án số 69/2019/HNGĐ-ST ngày 08/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiền. Trước đây vợ chồng có vay của bà R nhiều lần đến năm 2014 thì các bên gặp nhau có chốt nợ thì ông và bà T2 còn nợ số tiền vốn là 150.000.000 đồng, sau đó vợ chồng trả hai lần là 100.000.000 đồng, còn nợ lại 50.000.000 đồng nhưng từ năm 2014 đến ngày chốt nợ ngày 26/9/2017 ông không đóng lãi (ông có viết biên nhận cho bà R nợ số tiền vốn 50.000.000 đồng và tiền lãi là 180.000.000 đồng) và từ ngày 26/9/2017 cho đến nay ông không đóng lãi cho bà R. Nay đồng ý thanh toán cho bà R tiền vốn 50.000.000 đồng, các khoản lãi do không có khả năng nên không đồng ý thanh toán. Do ông và bà T2 đã ly hôn nên chỉ đồng ý thanh toán $\frac{1}{2}$ khoản nợ còn $\frac{1}{2}$ khoản nợ yêu cầu bà T2 có trách nhiệm trả vì ông xác định nợ là trong thời kỳ hôn nhân để mục đích phục vụ cho kinh tế gia đình.

Bà Trần Thanh T2 (Trần Hồng T2) đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tổng tụng để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bà T2 vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Tuyết R khởi kiện yêu cầu ông Trương Văn T1 và bà Trần Thanh T2 cùng cư trú: Ấp T, xã T, huyện N, tỉnh C. Xét đây là quan hệ dân sự về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản nên yêu cầu của bà R thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiền, tỉnh Cà Mau quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bà Trần Thanh T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bà T2 vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bà T2.

[2] Về nội dung: Bà Trần Tuyết R và ông Trương Văn T1 xác định trước đây bà R có cho ông T1, bà T2 vay tiền nhiều lần. Đến ngày 09/7/2014 âm lịch thì ông T1 và bà T2 có đến gặp bà R hỏi vay số tiền là 150.000.000 đồng có thỏa thuận lãi suất. Sau đó, đến ngày 20/5/2015 âm lịch ông T1 và bà T2 có trả cho bà R số tiền là 50.000.000 đồng. Đến ngày 26/9/2017 âm lịch trả tiếp cho bà 50.000.000 đồng nhưng trong quá trình vay từ 09/7/2014 âm lịch đến ngày 26/9/2017 âm lịch ông T1 và bà T2 không đóng lãi cho bà R. Cùng ngày 26/9/2017 âm lịch, ông T1 có viết biên nhận nợ cho bà R còn nợ lại số tiền vốn là 50.000.000 đồng. Bà R yêu cầu ông T1 trả số tiền vốn 50.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật. Ông T1 thừa nhận có nợ tiền vốn và lãi đúng như bà T1 trình bày và đồng ý thanh toán $\frac{1}{2}$ số nợ cho bà R nên có cơ sở xác định việc vay tiền giữa bà R và ông T1 là thực tế có xảy ra.

Đối với yêu cầu tiền lãi của bà T1 là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận, tiền lãi được tính như sau:

Tiền lãi của khoản tiền 150.000.000 đồng tính từ ngày 09/7/2014 âm lịch (là ngày 04/8/2014 dương lịch) đến ngày 20/5/2015 âm lịch (là ngày 05/7/2015 dương lịch) là 11 tháng 01 ngày:

$150.000.000 \text{ đồng} \times 1,125\% \times 11 \text{ tháng} = 18.562.500 \text{ đồng.}$

$150.000.000 \text{ đồng} \times 0,0375\% \times 01 \text{ ngày} = 56.000 \text{ (làm tròn) đồng.}$

Tổng tiền lãi của 150.000.000 đồng là 18.618.500 đồng.

Tiền lãi của khoản tiền từ đến ngày 20/5/2015 âm lịch (là ngày 05/7/2015 dương lịch) tính đến ngày 01/01/2017 dương lịch là 01 năm 07 tháng 12 ngày:

$100.000.000 \text{ đồng} \times 13,5\% \times 01 \text{ năm} = 13.500.000 \text{ đồng.}$

$100.000.000 \text{ đồng} \times 1,125\% \times 07 \text{ tháng} = 7.875.000 \text{ đồng.}$

$100.000.000 \text{ đồng} \times 0,0375\% \times 12 \text{ ngày} = 450.000 \text{ đồng.}$

Tổng tiền lãi là 21.825.000 đồng.

Tiền lãi của khoản tiền 100.000.000 đồng tính từ ngày 01/01/2017 dương lịch đến ngày 26/9/2017 âm lịch (là ngày 14/11/2017 dương lịch) là 10 tháng 13 ngày:

$100.000.000 \text{ đồng} \times 1,666\% \times 10 \text{ tháng} = 16.660.000 \text{ đồng.}$

$100.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 13 \text{ ngày} = 715.000 \text{ đồng.}$

Tổng tiền lãi là 17.375.000 đồng.

Tiền lãi của khoản tiền 50.000.000 đồng tính từ ngày 26/9/2017 âm lịch (là ngày 14/11/2017 dương lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 02/6/2020 là 02 năm 06 tháng 19 ngày:

$50.000.000 \text{ đồng} \times 20\% \times 02 \text{ năm} = 20.000.000 \text{ đồng.}$

$50.000.000 \text{ đồng} \times 1,666\% \times 06 \text{ tháng} = 4.998.000 \text{ đồng.}$

$50.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 19 \text{ ngày} = 522.500 \text{ đồng.}$

Tổng cộng tiền lãi là 25.520.500 đồng.

Tổng các khoản tiền lãi là 83.339.000 đồng.

Mặc dù, bà R yêu cầu ông T1 trả tiền vốn và lãi, không yêu cầu bà T2 có nghĩa vụ trả vì bà R cho rằng ông T1 là người trực tiếp giao dịch vay tiền với bà R. Tuy nhiên, tại phiên tòa bà R thừa nhận khi vay tiền thì bà T2 và ông T1 cùng ký vào giấy vay tiền. Đồng thời, ông T1 xác định đây là khoản nợ chung của ông và bà T2 trong thời kỳ hôn nhân vì ông và bà T2 ly hôn vào năm 2019 theo bản án số 69/2019/HNGĐ-ST ngày 08/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển. Đối với bà Trần Thanh T2 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản để tham gia giải quyết vụ án nhưng bà T2 không có ý kiến đối với việc giải quyết vụ án. Từ đó, có cơ sở xác định đây là khoản nợ của bà R là khoản nợ chung trong thời kỳ hôn nhân của ông T1 và bà T2 nên bà T2 phải có nghĩa vụ cùng thanh toán nợ cùng với ông T1.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà R buộc ông Trương Văn T1 và bà Trần Thanh T2 (Trần Hồng T2) thanh toán cho bà Trần Tuyết R số tiền vốn và tiền lãi là 133.339.000 (Một trăm ba mươi ba triệu, ba trăm ba mươi chín nghìn) đồng.

[3] Về án phí: Án phí dân sự có giá ngạch bà Trần Tuyết R không phải chịu. Ông Trương Văn T1 và bà Trần Thanh T2 (Trần Hồng T2) phải chịu 6.666.920 đồng. Ông T1 và bà T2 có nghĩa vụ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Bản án sơ thẩm đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Áp dụng Điều 476 Bộ luật Dân sự 2005;

Áp dụng các Điều 463, Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Tuyết R về việc yêu cầu ông Trương Văn T1 và bà Trần Thanh T2 (Trần Hồng T2) trả tiền vốn và tiền lãi.

Buộc ông Trương Văn T1 và bà Trần Thanh T2 (Trần Hồng T2) thanh toán cho bà Trần Tuyết R số tiền 133.339.000 (Một trăm ba mươi ba triệu, ba trăm ba mươi chín nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Án phí dân sự có giá ngạch bà Trần Tuyết R không phải chịu. Ông Trương Văn T1 và bà Trần Thanh T2 (Trần Hồng T2) phải chịu 6.666.950 đồng. Ông T1 và bà T2 có nghĩa vụ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án sơ thẩm đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Nghi